

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thảo;
Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 17- Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 102/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thanh T, sinh năm 1998; địa chỉ: Số A, khu phố Đ, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là số A, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Duy K, sinh năm 1996; địa chỉ: đường T, tổ B, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là đường T, tổ B, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 3 năm 2025; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Trần Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông K tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 05/8/2016 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương

(nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Có hai con chung tên Lê Trần Thanh D, sinh ngày 07/8/2014, Lê Trần Minh T1, sinh ngày 26/01/2020. Khi ly hôn, bà T giao hai con chung Lê Trần Khánh D1, Lê Trần Minh T1 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T tự nguyện cấp dưỡng mỗi con chung 1.500.000đồng/tháng.

+ *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Duy K đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng ông K không đến và không nộp văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thanh T, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thanh T được ly hôn với ông Lê Duy K.

+ Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông K có hai con chung tên Lê Trần Thanh D, sinh ngày 07/8/2014 và Lê Trần Minh T1, sinh ngày 26/01/2020. Từ khi bà T và ông K không còn chung sống với nhau, các con chung đã sinh sống với ông K, nên khi ly hôn bà Trần Thanh T có nguyện vọng giao hai con chung cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu này phù hợp với ý kiến của các con chung tại bản tự khai và nguyện vọng của bà T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Bà T tự nguyện cấp dưỡng mỗi con chung 1.500.000đồng/tháng/con cho đến khi con trưởng thành.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Lê Duy K đã được tổng đạt hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh T và ông Lê Duy K chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 05/8/2016 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà T yêu cầu ly hôn với ông K do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau. Ông K đã được triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không lý do. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng bà T và ông K không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông K là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông K có hai con chung tên Lê Trần Thanh D, sinh ngày 07/8/2014 và Lê Trần Minh T1, sinh ngày 26/01/2020. Theo lời trình bày của nguyên đơn, hiện nay cháu D và cháu T1 đang chung sống với ông Lê Duy K. Ý kiến của cháu D trong quá trình tố tụng cũng thể hiện nguyện vọng của con chung là muốn sống với cha. Nhận thấy việc tiếp tục giao các con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con chung và ý kiến của đương sự, đảm bảo được các con chung có sự phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần. Yêu cầu của nguyên đơn về việc giao hai con chung tên Lê Trần Thanh D, sinh ngày 07/8/2014 và Lê Trần Minh T1, sinh ngày 26/01/2020 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T tự nguyện cấp dưỡng mỗi con chung 1.500.000đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thanh T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 92, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thanh T về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Lê Duy K.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh T được ly hôn với ông Lê Duy K.

1.2. Về con chung: Giao hai con chung tên Lê Trần Thanh D, sinh ngày 07/8/2014, Lê Trần Minh T1, sinh ngày 26/01/2020 cho ông Lê Duy K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung Lê Trần Thanh D, sinh ngày 07/8/2014 và Lê Trần Minh T1, sinh ngày 26/01/2020 số tiền cấp dưỡng 1.500.000đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng) cho mỗi con chung.

Bà Trần Thanh T và ông Lê Duy K đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

1.4. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ. Bà Trần Thanh T được khấu trừ số tiền đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005241 ngày 18/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Trần Thanh T phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nếu vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Phòng THADS khu vực 17- Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- UBND P.Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh (01)
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Trúc